BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900100942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2008 và thay đổi lần thứ 03 ngày 10 tháng 09 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 20 đường 17/10, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Văn Phượng	Chủ tịch

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phú	Giám đốc	(Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 02 năm 2019)
Ông Dương Công Nam	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 02 năm 2019)

Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là Bà Đồng Thị Thu

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Scanned with CamScanner

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Lãnh đạo
Chủ tịch

M.S.D.N: 4900100942 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN
TP. LẠNG SƠN - T. LẠNG SƠN

Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

Số: 040320.006/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được lập ngày 04 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Scanned with CamScanner

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến vấn đề sau:

- Tại thời điểm phát hành phát hành Báo cáo này, quỹ lương năm 2019 của Công ty vẫn chưa nhận được sự phê duyệt của chủ sở hữu - Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Do đó, giá trị quỹ tiền lương được ghi nhận sẽ phụ thuộc vào quyết định sau cùng của chủ sở hữu.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0938-2018-002-1

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**14.208.990.327**	**12.777.359.814**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**2.102.242.839**	**4.754.618.859**
111	1. Tiền		2.102.242.839	2.518.729.134
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.235.889.725
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**11.379.292.006**	**7.225.149.284**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.379.292.006	7.225.149.284
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**456.026.805**	**575.998.653**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	4.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	55.862.950	86.478.160
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	400.163.855	485.520.493
140	**IV. Hàng tồn kho**	**7**	**271.428.677**	**221.593.018**
141	1. Hàng tồn kho		271.428.677	221.593.018
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**15.463.648.757**	**16.083.415.396**
220	**II. Tài sản cố định**		**15.386.726.592**	**15.982.443.972**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	15.386.726.592	15.982.443.972
222	*- Nguyên giá*		*19.757.904.499*	*19.757.904.499*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(4.371.177.907)*	*(3.775.460.527)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	*- Nguyên giá*		*253.580.000*	*253.580.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(253.580.000)*	*(253.580.000)*
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**76.922.165**	**100.971.424**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	76.922.165	100.971.424
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**29.672.639.084**	**28.860.775.210**

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.374.692.417**	**5.792.828.543**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**5.457.492.417**	**5.009.028.543**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	4.560.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	725.442.167	667.685.557
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.713.929.240	1.446.607.629
314	4. Phải trả người lao động		794.618.320	843.322.345
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	192.571.708	352.457.128
321	6. Dự phòng rủi ro trả thưởng	13	1.552.252.376	1.179.351.392
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		478.678.606	515.044.492
330	**II. Nợ dài hạn**		**917.200.000**	**783.800.000**
337	1. Phải trả dài hạn khác	12	917.200.000	783.800.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**23.297.946.667**	**23.067.946.667**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	15	**23.297.946.667**	**23.067.946.667**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		22.499.330.982	22.499.330.982
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		798.615.685	568.615.685
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**29.672.639.084**	**28.860.775.210**

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
01	**1. Doanh thu**	**16**	**49.785.851.583**	**51.419.013.018**
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		48.635.823.642	50.088.007.268
01.1.1	*1.1.1. Xổ số truyền thống*		*16.340.690.909*	*19.090.500.000*
01.1.3	*1.1.2. Xổ số bóc*		*1.816.076.373*	*2.660.580.004*
01.1.4	*1.1.3. Xổ số lô tô*		*30.479.056.360*	*28.336.927.264*
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		1.150.027.941	1.331.005.750
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**17**	**6.343.803.079**	**6.533.218.342**
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		6.343.803.079	6.533.218.342
02.1.1	*2.1.1. Xổ số truyền thống*		*2.131.394.466*	*2.490.065.218*
02.1.3	*2.1.2. Xổ số bóc*		*236.879.517*	*347.032.172*
02.1.4	*2.1.3. Xổ số lô tô*		*3.975.529.096*	*3.696.120.952*
10	**3. Doanh thu thuần**		**43.442.048.504**	**44.885.794.676**
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		42.292.020.563	43.554.788.926
10.1.1	*3.1.1. Xổ số truyền thống*		*14.209.296.443*	*16.600.434.782*
10.1.3	*3.1.2. Xổ số bóc*		*1.579.196.856*	*2.313.547.832*
10.1.4	*3.1.3. Xổ số lô tô*		*26.503.527.264*	*24.640.806.312*
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		*1.150.027.941*	*1.331.005.750*
11	**4. Chi phí kinh doanh**	**18**	**35.239.459.894**	**37.830.734.442**
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		34.801.235.238	37.097.882.518
11.1.1	*4.1.1. Chi phí trả thưởng*		*27.108.704.830*	*29.733.815.568*
11.1.2	*4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*		*7.692.530.408*	*7.364.066.950*
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		438.224.656	732.851.924
20	**5. Lợi nhuận gộp**		**8.202.588.610**	**7.055.060.234**
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		7.490.785.325	6.456.906.408
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		711.803.285	598.153.826
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	612.075.640	471.935.664
24	7. Chi phí bán hàng	20	577.330.644	147.504.030
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	7.263.702.072	6.477.228.375
30	**9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**973.631.534**	**902.263.493**
31	10. Thu nhập khác		29.375.447	26.436.363
32	11. Chi phí khác		3.119.471	685.250
40	**12. Lợi nhuận khác**		**26.255.976**	**25.751.113**

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**999.887.510**	**928.014.606**
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	200.601.396	185.602.921
60	**15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**799.286.114**	**742.411.685**

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		41.747.759.847	43.019.753.772
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.388.967.096)	(2.228.458.455)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(4.450.940.709)	(3.402.756.772)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(273.602.921)	(100.398.295)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		656.193.883	5.821.780.126
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(34.365.906.147)	(41.417.271.012)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***924.536.857***	***1.692.649.364***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.129.353.474)	(4.659.054.520)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.975.210.752	3.228.309.715
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		577.229.845	440.109.404
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(3.576.912.877)***	***(990.635.401)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(2.652.376.020)**	**702.013.963**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**4.754.618.859**	**4.052.604.896**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**2.102.242.839**	**4.754.618.859**

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Huỳ Văn Phượng

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900100942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2008 và thay đổi lần thứ 03 ngày 10 tháng 09 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 20 đường 17/10, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 25.000.000.000 VND *(Hai mươi năm tỷ đồng)*, trong đó vốn thực góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 22.499.330.982 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xổ số.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số Miền Bắc và xổ số lô tô (02, 03, 04 số).
- Kinh doanh nhà khách nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng kí ốt.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Scanned with CamScanner

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Scanned with CamScanner

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
- Các tài sản khác	5 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là tại thời điểm trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng tối đa đối với xổ số truyền thống là 50%, xổ số bóc biết kết quả ngay là 55% và xổ số lô tô thủ công là 60%.

Scanned with CamScanner

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: **DPtt = DT x TLkh - TTtt**

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập.
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số.
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc, miền Trung, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu kinh doanh xổ số

Doanh thu kinh doanh xổ số được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tuy nhiên, do đặc thù của nghiệp vụ kinh doanh xổ số, chi phí trả thưởng được ghi nhận theo thời điểm thực chi, do thời gian có hiệu lực của vé trúng giải tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày mở thưởng nên chi phí trả thưởng có thể được ghi nhận vào kỳ kế toán tiếp theo không cùng với kỳ ghi nhận doanh thu. Trước thời điểm mở thưởng 30 phút, Công ty thực hiện chốt số lượng vé ế do các đại lý trả về và ghi nhận doanh thu tương ứng với lượng vé xổ số thực bán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Scanned with CamScanner

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu trong năm là thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp từ hoạt động kinh doanh xổ số.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Chi phí kinh doanh phát sinh trong năm là chi phí kinh doanh xổ số, bao gồm: chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số. Các chi phí này được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Scanned with CamScanner

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	296.240.161	638.927.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.806.002.678	1.879.801.157
Các khoản tương đương tiền	-	2.235.889.725
	2.102.242.839	**4.754.618.859**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	11.379.292.006	-	7.225.149.284	-
	11.379.292.006	**-**	**7.225.149.284**	**-**

(i) Chi tiết bao gồm:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất/năm	Số tiền (VND)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Lạng Sơn	6 tháng	5,3% - 6,8%	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Lạng Sơn	6 tháng	5,5% - 6,6%	4.269.876.712
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh TP. Lạng Sơn	6 tháng	6,5% - 7,3%	1.609.415.294
			11.379.292.006

Scanned with CamScanner

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xổ số Điện toán Việt Nam	12.862.950	-	64.478.160	-
Công ty Cổ phần Tin học Truyền thông Techcom	21.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	22.000.000	-	22.000.000	-
	55.862.950	**-**	**86.478.160**	**-**

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	7.015.000	-	40.895.000	-
Hội đồng xổ số kiến thiết Miền Bắc	179.270.560	-	179.270.560	-
- Tiền đóng góp quỹ trả thưởng cố định	*175.000.000*	-	*175.000.000*	-
- Tiền đóng góp chi phí in vé xổ số	*4.270.560*	-	*4.270.560*	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	187.560.295	-	153.232.233	-
Phải thu khác	26.318.000	-	112.122.700	-
	400.163.855	**-**	**485.520.493**	**-**

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	20.740.000	-	19.410.906	-
Vé xổ số	250.688.677	-	202.182.112	-
- Vé xổ số truyền thống	*33.481.700*	-	*30.752.000*	-
- Vé xổ số bóc	*135.140.000*	-	*122.870.000*	-
- Vé xổ số lô tô	*82.066.977*	-	*48.560.112*	-
	271.428.677	**-**	**221.593.018**	**-**

Scanned with CamScanner

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.577.967.478	1.190.376.362	1.820.131.119	169.429.540	19.757.904.499
Số dư cuối năm	**16.577.967.478**	**1.190.376.362**	**1.820.131.119**	**169.429.540**	**19.757.904.499**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.771.424.448	584.741.210	1.308.983.869	110.311.000	3.775.460.527
- Khấu hao trong năm	333.872.112	123.102.444	127.786.824	10.956.000	595.717.380
Số dư cuối năm	**2.105.296.560**	**707.843.654**	**1.436.770.693**	**121.267.000**	**4.371.177.907**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.806.543.030	605.635.152	511.147.250	59.118.540	15.982.443.972
Tại ngày cuối năm	**14.472.670.918**	**482.532.708**	**383.360.426**	**48.162.540**	**15.386.726.592**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 1.111.216.573 VND.

Scanned with CamScanner

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính có Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 253.800.000 VND. Tài sản này đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	68.522.165	88.704.737
Các khoản khác	8.400.000	12.266.687
	76.922.165	**100.971.424**

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các đại lý xổ số	725.442.167	667.685.557
	725.442.167	**667.685.557**

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Hội đồng xổ số kiến thiết Miền Bắc	187.727.457	346.820.924
Đại lý cấp 2 Vietlott	4.844.251	5.636.204
	192.571.708	**352.457.128**
b) Dài hạn		
Đại lý đặt cọc bán vé xổ số truyền thống	702.200.000	558.800.000
Đại lý đặt cọc bán vé Vietlott	205.000.000	225.000.000
Đặt cọc thuê ki ốt	10.000.000	-
	917.200.000	**783.800.000**

13 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỞNG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Số dư đầu năm	1.179.351.392	1.179.351.392
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	372.900.984	-
Số dư cuối năm	**1.552.252.376**	**1.179.351.392**

Scanned with CamScanner

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	852.310.677	4.777.854.024	4.500.006.185	-	1.130.158.516
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	498.694.031	6.343.803.079	6.281.327.782	-	561.169.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	95.602.921	200.601.396	273.602.921	-	22.601.396
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	64.351.944	64.351.944	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	228.711.168	228.711.168	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	**1.446.607.629**	**11.618.321.611**	**11.351.000.000**	**-**	**1.713.929.240**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Scanned with CamScanner

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**22.499.330.982**	**416.204.000**	**-**	**22.915.534.982**
Lãi trong năm trước	-	-	742.411.685	742.411.685
Tăng khác (i)	-	40.411.685	-	40.411.685
Phân phối lợi nhuận	-	112.000.000	(742.411.685)	(630.411.685)
Số dư cuối năm	**22.499.330.982**	**568.615.685**	**-**	**23.067.946.667**
Lãi trong năm nay	-	-	799.286.114	799.286.114
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	230.000.000	(799.286.114)	(569.286.114)
Số dư cuối năm	**22.499.330.982**	**798.615.685**	**-**	**23.297.946.667**

(i) Điều chỉnh theo biên bản thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn ngày 22/04/2019.

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Trong đó:

	Số tiền
	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	230.000.000
Trích quỹ ken thưởng phúc lợi	519.286.114
Trích quỹ thưởng viên chức quản lý Công ty	50.000.000
	799.286.114

16 . DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	48.635.823.642	50.088.007.268
- *Xổ số truyền thống*	*16.340.690.909*	*19.090.500.000*
- *Xổ số bóc*	*1.816.076.373*	*2.660.580.004*
- *Xổ số lô tô*	*30.479.056.360*	*28.336.927.264*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	307.545.441	1.104.181.803
Doanh thu khác	842.482.500	226.823.947
	49.785.851.583	**51.419.013.018**

Scanned with CamScanner

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Xổ số truyền thống	2.131.394.466	2.490.065.218
- *Thuế TTĐB*	*2.131.394.466*	*2.490.065.218*
Xổ số bóc	236.879.517	347.032.172
- *Thuế TTĐB*	*236.879.517*	*347.032.172*
Xổ số lô tô	3.975.529.096	3.696.120.952
- *Thuế TTĐB*	*3.975.529.096*	*3.696.120.952*
	6.343.803.079	**6.533.218.342**

18 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	34.801.235.238	37.097.882.518
- *Chi phí trả thưởng*	*27.108.704.830*	*29.733.815.568*
- *Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*	*7.692.530.408*	*7.364.066.950*
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	438.224.656	732.851.924
	35.239.459.894	**37.830.734.442**

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	612.075.640	471.935.664
	612.075.640	**471.935.664**

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	4.202.000
Chi phí nhân công	23.370.000	6.290.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	549.348.041	119.340.256
Chi phí khác bằng tiền	4.612.603	17.671.774
	577.330.644	**147.504.030**

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	204.709.117	258.880.749
Chi phí nhân công	4.923.502.132	4.661.105.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	484.804.620	261.489.192
Thuế, phí và lệ phí	270.400.343	260.728.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584.342.992	623.112.464
Chi phí khác bằng tiền	795.942.868	411.911.562
	7.263.702.072	**6.477.228.375**

Scanned with CamScanner

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	999.887.510	928.014.606
Các khoản điều chỉnh tăng	3.119.471	-
- Chi phí không hợp lệ	*3.119.471*	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.003.006.981	928.014.606
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**200.601.396**	**185.602.921**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	95.602.921	10.398.295
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(273.602.921)	(100.398.295)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**22.601.396**	**95.602.921**

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.102.242.839	-	4.754.618.859	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	400.163.855	-	489.520.493	-
Các khoản cho vay	11.379.292.006	-	7.225.149.284	-
	13.881.698.700	**-**	**12.469.288.636**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.109.771.708	1.140.817.128
	1.109.771.708	**1.140.817.128**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Scanned with CamScanner

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và tương đương tiền	2.102.242.839	-	-	2.102.242.839
Phải thu khách hàng, phải thu khác	400.163.855	-	-	400.163.855
Các khoản cho vay	11.379.292.006	-	-	11.379.292.006
	13.881.698.700	**-**	**-**	**13.881.698.700**
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và tương đương tiền	4.754.618.859	-	-	4.754.618.859
Phải thu khách hàng, phải thu khác	489.520.493	-	-	489.520.493
Các khoản cho vay	7.225.149.284	-	-	7.225.149.284
	12.469.288.636	**-**	**-**	**12.469.288.636**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	192.571.708	917.200.000	-	1.109.771.708
	192.571.708	**917.200.000**	**-**	**1.109.771.708**
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	357.017.128	783.800.000	-	1.140.817.128
	357.017.128	**783.800.000**	**-**	**1.140.817.128**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Scanned with CamScanner

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên	734.288.475	471.907.229

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại theo Biên bản thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn ngày 22/04/2019.

	Mã số	Sau điều chỉnh	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a) Bảng Cân đối kế toán			
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	515.044.492	555.456.177
- Quỹ đầu tư phát triển	418	568.615.685	528.204.000

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner